

Số: 177/BC-TrMN

An Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026
(Công khai 6 tháng cuối năm 2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT- BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư “Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Trường mầm non Diễn Thịnh thực hiện công khai như sau:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục và nội dung công khai

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Diễn Thịnh.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Tân Phúc, xã An châu, Tỉnh Nghệ An, địa chỉ thư điện tử mandienthinh.dc@nghean.edu.vn, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục Websitet mamnondienthinh.dienchau.edu.vn (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Loại hình của cơ sở giáo dục;

Trường hạng I, trường công lập tự chủ một phần kinh phí. UBND xã An Châu quản lý và Sở GD&ĐT Nghệ An.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Diễn Thịnh có 2 điểm, điểm A đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm Tân Phúc, điểm B đặt ở vị trí tại xóm Nam Thịnh xã An Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Người đại diện pháp luật: Phạm Thị Hương - Hiệu trưởng trường MN Diễn Thịnh; 0977385520; huongduongdh1@gmail.com.

Người đại diện phát ngôn và liên hệ; Nguyễn thị Lành - Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Thịnh; 0967125567; quyenlanhkhoei@gmail.com.

6. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường, có chi bộ cơ sở, đoàn thanh niên, tổ chuyên môn, các hội đồng khác, có ban đại diện cha mẹ học sinh;

b. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND huyện Diễn Châu về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học; Bà Phạm Thị Hương. HT

Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diễn Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học; Bà Hồ Thị Trang. PHT

Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diễn Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học; Bà Nguyễn Thị Lành. PHT

c. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục; (Tại Văn phòng)

d. Quyết định thành lập trường

Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diên Châu về việc thành lập trường Mầm non.

Quyết định số: 1027/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diên Châu về việc chuyển đổi loại hình trường mầm non.

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Bà: Phạm Thị Hương Hiệu trưởng trường MN Diên Thịnh; 0977385520; huongduongdh1@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể [H10-1.4-01]); [H18-1.7-02])

Bà: Phạm Thị Hương Hiệu trưởng trường MN Diên Thịnh; 0977385520; huongduongdh1@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể [H8- 1.4-01]); [H17-1.7-02])

Bà: Hồ Thị Trang – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Thịnh; 0972901118; hotrang72@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể [H8-1.4-01]); [H17-1.7-02])

Bà: Nguyễn thị Lành Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Thịnh; 0967125567; quyenlanhkhoy@gmail.com. (Có các Quyết định và bảng phân công nhiệm vụ cụ thể [H8-1.4-01]); [H17-1.7-02])

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có bảng mã hóa minh chứng kèm theo).[H1-1.1-01];[H19-1.9-01]

II. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động học kỳ 1 năm học 2025-2026 như sau:

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
I	Thu ngân sách 2025	8.581.131.000	8.672.143.000	42.471.497
1	Lương và các khoản theo lương	7.549.731.596	7.507.260.099	42.471.497
2	Chi khác (CM, thường xuyên)	424.116.404	424.116.404	0
3	Chế độ trẻ	185.212.000	185.212.000	0
4	Khen thưởng NĐ 73	422.071.000	422.071.000	0
II	Hỗ trợ HP của nhà nước(9-12-2025)			
1	40%	91.012.000		91.012.000
III	Thu khác từ tháng 9-12-2025			
1	Thu chi phí bán trú	984.785.000	780.616.400	230.602.600
	Tiền ăn của trẻ 4 tháng	710.771.000	506.602.400	204.168.600
	Thu tiền chăm sóc bán trú 4 tháng	274.014.000	247.580.000	26.434.000
2	Nguồn khác	0	0	0

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Năm học	Tổng số tiền				
		Miễn, giảm học phí	Hỗ trợ tiền ăn	Chi phí học tập	Chế độ trẻ khuyết tật	Tổng tiền
1	Học kỳ 1	0	8.320.000	1.800.000	0	10.120.000

V. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non học kỳ 1 năm học (2025-2026)

1. Đội ngũ

TT	Nội dung	Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên
1	Tổng số	43	3	38	2
2	Trình độ chuyên môn	43	3	38	2
	<i>Cao đẳng</i>	<i>11</i>	<i>0</i>	<i>10</i>	<i>1</i>
	<i>Đại học</i>	<i>32</i>	<i>3</i>	<i>28</i>	<i>1</i>

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

TT	Nội dung	Tiêu chuẩn mức độ 2 m2/trẻ	Số m2/phòng	Số phòng theo yêu cầu	Số phòng thực tế	Số m2 phòng thực tế
I	Quy mô					
1	Diện tích	6,437,9 m2	55 m2			2.455
2	Điểm trường	2	2		2	2
3	Bình quân m2/trẻ	11,94m2/trẻ	1.57 m2/trẻ			55
4	Số nhóm lớp	21	1.155 m2	21	21	55
II	Phòng CSNDGD					
1	P sinh hoạt chung	1,5 m2/trẻ	52,5 m2	25	25	55m2
2	Phòng ngủ	0	0	0	0	0
3	Phòng vệ sinh	0,4 m2/trẻ	14 m2	13	13	182m2
4	Phòng kho	6 m2/phòng	6 m2	13	13	78 m2
5	Phòng giáo viên	12m2/phòng	12 m2	0	0	0
6	Hiên trước	0,5 m2/trẻ	17,5 m2	13	13	227 m2
7	Hiên sau	0,5 m2/trẻ	17,5 m2	13	13	227m2
III	P phục vụ học tập					
1	Phòng thể chất	2 m2/trẻ	70 m2	2	0	70m2
2	Phòng nghệ thuật	2 m2/trẻ	70 m2	2	2	55m2
3	Phòng đa năng	2 m2/trẻ	70 m2	1	0	0
4	Phòng ngoại ngữ	40 m2/phòng	40 m2	2	1	55 m2
5	Phòng tin học	40 m2/phòng	40 m2	2	0	0
6	Phòng thư viện	70 m2/phòng	70 m2	2	0	0
7	P. tư vấn tâm lý	10 m2/phòng	10 m2	1	0	0
IV	P. hành chính Quản trị					
1	Phòng hiệu trưởng	25 m2/phòng	12 m2	1	1	25 m2
2	Phòng PHT	25 m2/phòng	10 m2	1	2	25 m2
3	Phòng văn phòng	6 m2/người		1	1	55 m2
4	Phòng h chính, q trị	12 m2/phòng	12 m2	1	0	0
5	Phòng nhân viên	10 m2/phòng	10 m2	2	1	10 m2
6	Phòng bảo vệ	10 m2/phòng	10 m2	2	1	10 m2
7	Khu vệ sinh GV			2	2	12 m2
8	Khu để xe			2	2	100 m2

V	Phòng tổ chức ăn					
1	Bếp nấu	0,3/m2/trẻ		2	2	240m2
2	Kho lương thực	10 m2/phòng	10 m2	2	2	10 m2
3	Kho thực phẩm	12 m2/phòng	12 m2	2	2	10m2
VI	Phòng phụ trợ					
1	Phòng họp	1,2m2/người		1	0	0
2	Phòng y tế	10 m2/phòng	10 m2	1	1	20 m2
3	Phòng kho chung	40 m2/phòng		2	0	0
4	Sân vườn	3 m2/trẻ		2	2	500m2
5	Cổng hàng rào			Đạt	Đạt	Đạt
VII	Hạ tầng kỹ thuật					
1	Hệ thống nước sạch			Đạt	Đạt	Đạt
2	Hệ thống điện lưới			Đạt	Đạt	Đạt
3	Hệ thống mương			Đạt	Đạt	Đạt
4	Thu gom rác thải			Đạt	Đạt	Đạt
VIII	Thiết bị, Đ D Đ C	21				
IX	Đồ chơi ngoài trời	10 loại				
XI	Tài liệu học liệu	650 bộ				

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

TT	Mốc thời gian, năm học	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
1	2017-2018	QĐ số 607/QĐ-DGD&ĐT ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh Nghệ An. Mức độ III (Lần đầu)	QĐ số 3255/QĐ-UBND ngày 09/7/2009 của UBND tỉnh Nghệ An. Mức độ I (Lần đầu)
2	2019-2020	QĐ số 915/QĐ-SGDĐT ngày 31/8/2020 của Sở GD&ĐT Nghệ An. Cấp độ II.	QĐ số 2996/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Nghệ An. Mức độ I (Công nhận lại))

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Tiếng anh	Năng khiếu múa
1	Tên trung tâm	TÂM ANH NGŨ NEWLIGHT Địa chỉ trụ Xóm Xuân Châu, xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An. Đại diện: Bà Hoàng Thị Khánh – Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện thoại liên hệ: 0914.222.068 Mã số thuế: 2902143754 Đăng ký lần đầu ngày 19/07/2022 Giấy đăng ký kinh doanh : Đăng ký tay đổi lần thứ nhất ngày 10/06/2024(Có QĐ kèm theo)	CÔNG TY TNHH HỢP TÁC THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH (Trung Tâm KNS và Giáo dục ngoài giờ chính khóa MASTER KIDS) Địa chỉ: Phường Vinh Tân, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An Đại diện: Bà Đặng Thị Thanh Huyền chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 0943972266 Số tài khoản: 3600.2010.18608 Ngân hàng Agribank Nghệ An – Công ty TNHH Hợp tác thương mại Trường Thành Mã số thuế: 2902022372
2	Số trẻ tham gia	261 cháu/11 lớp Tại thời điểm 31 tháng 12 dạy được 24 tiết	62 cháu/2 lớp Tại thời điểm 31 tháng 12 dạy được 25 tiết
3	Số tiền học phí/tiết	22.000 đ/tiết(GVVN) 40.000 đ/tiết(GVNN)	18.000 đ/tiết

4	Tên trung tâm		THẺ DỤC AEROBIC Công ty TNHH đầu tư giáo dục sao vàng Đại diện. Ông: Nguyễn Văn Điệp; Chức vụ- Giám đốc Số điện thoại: 59844584 Địa chỉ: Nhà ở liền kề LK4, Chung cư Trung Đức Tower, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An. Mã số thuế: 2902240483
5	Số trẻ tham gia		169 cháu/6 lớp Tại thời điểm 31 tháng 12 dạy được 22 tiết
6	Số tiền học phí/tiết		17.000 đ/tiết

VI. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Huy động số trẻ độ tuổi 2-5 tuổi trên địa bàn ra lớp. Ưu tiên tuyển thẳng con của gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ; con của gia đình thuộc diện chính sách (có bố hoặc mẹ là liệt sỹ; Thương binh, bệnh binh, và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, con của quân nhân đang công tác tại biên giới, hải đảo); con của gia đình công nhân làm việc ở các nhà máy, khu công nghiệp cư trú trên địa bàn trường đóng có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định. Ưu tiên tuyển bổ sung đối với trẻ em 5 tuổi (sinh 2020)

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Trẻ SDD Tại thời điểm tháng 12/2025. thể nhẹ cân 3,1%; béo phì 0,3%; Thấp còi nặng: 4 cháu .Tỷ lệ 0,2% Thấp còi vừa: 28 cháu.Tỷ lệ 4,6 %;Thấp còi vừa 25 cháu.Tỷ lệ 4,3%

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

Tổng số trẻ em 587 cháu; tổng số nhóm, lớp 21; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp 28 cháu; Số trẻ em học 02 buổi/ngày 587 cháu; Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú 587 cháu; Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ 587 cháu; Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi... cháu; Số trẻ em khuyết tật 02 cháu.

VII. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

VIII. Thời gian công khai, trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Thời điểm công khai: tháng 01/2026.

Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm. Niêm yết bảng tin.

1.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm: Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công khai của học kỳ 1 năm học 2025 - 2026.

1.2. Phó Hiệu trưởng: Công khai mẩu hình phụ trách

Kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước (Đ/c Trang PHT);

Dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần ngày thứ Bảy của tuần trước (Đ/c Lành PHT); các biểu mẫu hồ sơ nuôi dưỡng.

1.3. Giáo viên: Kế hoạch giáo dục tuần, ngày; zalo của nhóm, lớp, bảng tin.

1.4. Nhân viên kế toán: Thực hiện công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường. Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học. Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. Báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền. (Đ/c Hòa kế toán)

1.5. Nhân viên y tế; công khai tình hình sức khỏe của trẻ, các dịch bệnh, các thông báo khác, quyết toán các khoản thu

1. 6. Nhân viên nhà bếp; Công khai tên món ăn, thành phẩm món ăn.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai. thư điện tử mndienthinh.dc@nghean.edu.vn , cổng thông tin điện tử Websitet mamnondienthinh.edu.vn;

chuyenmondienthinh@gmail.com; nhóm zalo lớp; nhóm bếp; nhóm giáo viên

Diễn Thịnh

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (b/c)
- Tổ CM, bộ phận.(t/h)
- Website, bảng tin
- Lưu HS



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hương